

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 20/2017/ KDTM-PT

Ngày: 07/8/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phụng

Các thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyện

Ông Lê Văn Quý

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** Bà Nguyễn Thị Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04 và 07 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2017/TLPT-KDTM ngày 09/02/2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2016/KDTM-ST ngày 14/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2017/QĐPT-KDTM ngày 09 tháng 05 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 40/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 06 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 45/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 47/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ trụ sở chính: đường Đ, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T (theo văn bản ủy quyền ngày 20/01/2010).

Ông Trần Quốc T ủy quyền cho ông Hà Ngọc T, sinh năm 1985 (theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2016).

2. Bị đơn: Công ty TNHH B.

Địa chỉ: Đường Q, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Thái S – Giám đốc.

Ông S ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1972 (theo giấy ủy quyền ngày 24/6/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

- Ông Lê Minh N - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Lê Minh N, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Quốc C – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Q, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- **Công ty cổ phần G.**

Địa chỉ: KCN A, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình T – Chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trương Hồng M (theo giấy ủy quyền ngày 30/9/2016) (có đơn xin vắng mặt).

- **Ngân hàng TMCP V.**

Địa chỉ: đường QK, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T– Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Mạnh L – Chức vụ Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP V– chi nhánh Biên Hòa.

Ông L ủy quyền cho ông Lê Xuân H, sinh năm 1980 (theo văn bản ủy quyền số 429 ngày 29/9/2016).

4. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH B

(Các ông Hà Ngọc T, Đào Thái S, bà Nguyễn Thị Thu C, ông Lê Minh N, ông Nguyễn Quốc C, ông Lê Xuân H có mặt, ông Trương Hồng M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP A trình bày:

Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đồng Nai (sau đây viết tắt là A Đồng Nai) đã cho Công ty TNHH B (sau đây viết tắt là Công ty B) vay vốn theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 090-2013-0102/HĐHM-PN/SHB ĐNAI ngày 15/03/2013, cụ thể như sau:

–Hạn mức vay: 9.500.000.000 VND (Chín tỷ năm trăm triệu đồng)

–Dư nợ hiện tại: 9.295.427.401 VND (Chín tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn, bốn trăm lẻ một đồng)

–Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng

–Thời gian vay : 09 tháng/khế ước nhận nợ

–Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh

- Lãi suất cho vay : Chi tiết theo từng khế ước nhận nợ.
- Trả nợ lãi : Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng.
- Trả nợ gốc : Gốc trả cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ.

–Biện pháp bảo đảm: Để đảm bảo cho nghĩa vụ vay vốn tại ngân hàng A Đồng Nai, Công ty B đã thế chấp các tài sản sau:

Tài sản 1: Hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp số 090-2013-0102A/HĐTCHHLC-PN/SHB.ĐNAI ngày 15/03/2013 chi tiết theo bảng kê hàng tồn kho đính kèm. Trị giá TSTC: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

Tài sản 2: Quyền đòi nợ theo hợp đồng thế chấp số 090-2013-0102B/TCQĐN/SHB. ĐNAI ngày 15/03/2013 chi tiết theo bảng kê khoản phải thu và hợp đồng kinh tế đính kèm. Trị giá TSTC: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

Tài sản 3: Thế chấp tài sản là Nhà xưởng và đất có công trình trên đất chi tiết theo hợp đồng thế chấp số 090-2013-0102C/HĐTC-PN/SHB.ĐNAI ngày 15/03/2013. Trị giá TSTC: 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Trong quá trình vay vốn, Công ty B thường xuyên không trả nợ gốc, lãi đúng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Công ty B đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ từ ngày 25/4/2013 đến ngày khởi kiện (gồm tiền thanh toán nợ gốc khi đến hạn và tiền lãi, lãi phạt quá hạn) do đó các khoản vay đã chuyển nợ quá hạn theo quy định.

Nay, Ngân hàng TMCP A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty B thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 090-2013-0102/HĐHM-PN/SHB ĐNAI ngày 15/03/2013, tính đến hết ngày 11/05/2016 với tổng số tiền là 16.903.152.064đ (Bằng chữ: Mười sáu tỷ, chín trăm lẻ ba triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, không trăm sáu mươi bốn đồng) bao gồm:

- Gốc: 9.295.427.401 đồng
- Lãi: 4.869.236.257 đồng
- Lãi quá hạn: 2.738.448.406 đồng

Ngân hàng TMCP A sẽ tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn cho đến khi Công ty B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp Công ty B không trả đầy đủ số nợ thì tài sản đảm bảo thi hành án là những tài sản thế chấp trên.

Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án tiếp tục phong tỏa số tiền 1.200.000.000đ (thực tế trong tài khoản Công ty B là 1.174.469.000 đồng) theo Quyết định phong tỏa số 147/2016 ngày 03/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa để bảo đảm công tác thi hành án cho Ngân hàng TMCP A.

* Bị đơn – Công ty TNHH B trình bày:

Ngày 15/3/2013, A Đồng Nai và Công ty B có ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 090-2013-0102/HĐHM-PN/SHB.ĐNAI với số tiền hạn mức là 9.500.000.000đ (Chín

tỷ năm trăm triệu đồng). Đồng thời, giữa Công ty B và A Đồng Nai có ký các Hợp đồng thế chấp tài sản mà trong đó đều có nội dung hai bên thỏa thuận giá trị tài sản thế chấp chỉ làm cơ sở xác định hạn mức tín dụng, không áp dụng khi xử lý tài sản thế chấp, gồm các hợp đồng sau:

1. Tín chấp theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển số 090-2013-0102A/HĐTCHHLC-PN/SHB.ĐNAI ngày 15/3/2013 có giá trị 10 tỷ đồng để bảo đảm cho vay 5 (năm) tỷ đồng.

2. Tín chấp một phần nhà xưởng tại địa chỉ 103 đường Q, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai với giá trị 2,5 tỷ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 090-2013-0102C/HĐTC-PN/SHB.ĐNAI ngày 15/3/2013.

3. Tín chấp bằng công trình xây dựng (quyền đòi nợ) có giá trị 10 tỷ theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 090-2013-0102B/TCQĐN-PN/SHB.ĐNAI ngày 15/3/2013.

Mặc dù quy định về tài sản thế chấp đã cụ thể trong các Hợp đồng thế chấp tài sản nhưng ngày 03/6/2016 A Đồng Nai đã yêu cầu Tòa án Biên Hòa phong tỏa số tiền 1.200.000.000 đồng nhưng Tòa án Biên Hòa đã không xem xét kỹ hồ sơ vụ án mà thực hiện việc “Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời” phong tỏa số tiền của Hợp đồng số 95/2011/HĐXD trong tài khoản của Công ty là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn) tại Quyết định số 147/2016/QĐ-BPKCTT ngày 03/06/2016.

Việc làm trên là trái với quy định trong các Hợp đồng thế chấp tài sản và trái với quy định của pháp luật đã gây thiệt hại cho Công ty B, vì giá trị tài sản thế chấp chỉ làm cơ sở xác định mức cho vay/cấp tín dụng của A Đồng Nai, không áp dụng khi xử lý tài sản thế chấp.

Các hành vi vi phạm pháp luật của A Đồng Nai:

- Ngày 10/6/2013: Khi Chủ đầu tư là Công ty D2D chuyển thanh toán tiền của Hợp đồng xây dựng số 13/2012/HĐ-XD về việc thi công hạng mục Hệ thống điện mương cáp ngầm hạ thế vào tài khoản của Công ty B mở tại A Đồng Nai với số tiền là 451.700.000 đồng thì A Đồng Nai đã cưỡng đoạt số tiền trong tài khoản của Công ty để thu gốc trước hạn của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 090-2013-0102/HĐHM-PN/SHB.ĐNAI ký ngày 15/3/2013, với số tiền 203.072.599 đồng. Số tiền của công trình này không có trong Danh mục thế chấp quyền đòi nợ của Hợp đồng thế chấp số 090-2013-0102B/TVQĐN-PN/SHB.ĐNAI ngày 15/3/2013.

Từ ngày ký Hợp đồng hạn mức tín dụng đến ngày A Đồng Nai vi phạm với Công ty B (15/3/2013 đến 12/6/2013), Công ty B đã trả cho A Đồng Nai tổng cộng là 451.700.000đ (Bốn trăm năm mươi một triệu bảy trăm ngàn đồng). Trong đó tiền lãi: 248.627.401 đồng, tiền gốc: 203.072.599 đồng (Ngân hàng cưỡng đoạt thu gốc trước hạn).

- Ngày 12/6/2013 (khi hợp đồng hạn mức tín dụng mới thực hiện được gần 03 tháng kể từ ngày ký): A Đồng Nai đã chiếm giữ Công ty B và thu giữ hàng tồn kho của Công ty B, không cho Công ty B hoạt động sản xuất kinh doanh.

Do A Đồng Nai đã gây thiệt hại cho Công ty B về tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế trên 60 tỷ đồng nên Công ty B không đồng ý thanh toán tiền cho A Đồng Nai. Công ty B không đồng ý việc xử lý tài sản tín chấp của Công ty B đối với các hợp đồng thế chấp vì hai bên đã thỏa thuận giá trị tài sản thế chấp chỉ làm cơ sở xác định hạn mức tín dụng, không áp dụng khi xử lý tài sản thế chấp.

Do các hành vi vi phạm pháp luật của A Đồng Nai đối với Công ty B và Ngân hàng đã gây thiệt hại cho Công ty B số tiền lớn (trên 60 tỷ đồng) nên Công ty B kiến nghị:

- Hủy bỏ quyết định số 147/2016/QĐ-BPKCTT của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa ngày 03/6/2016 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vì quyết định trái với nội dung các điều khoản của hợp đồng thế chấp. Nếu việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời gây thiệt hại cho Công ty B thì Tòa án Biên Hòa phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ các thiệt hại cho Công ty.

- Yêu cầu A Đồng Nai không được tính lãi kể từ ngày Ngân hàng vi phạm pháp luật với Công ty (ngày 10/6/2013 đến nay).

- Không được xử lý toàn bộ tài sản tín chấp của Công ty B đối với các Hợp đồng thế chấp vì nội dung của các hợp đồng thế chấp tài sản hai bên thỏa thuận giá trị tài sản thế chấp chỉ làm cơ sở xác định hạn mức tín dụng, không áp dụng khi xử lý tài sản thế chấp

Công ty B sẽ đồng ý thanh toán khoản tiền nợ gốc đã vay cho Ngân hàng TMCP A sau khi Ngân hàng bồi thường những thiệt hại cho Công ty B từ năm 2013 đến nay.

* Người có quyền và nghĩa vụ liên quan - Công ty Cổ phần G (sau đây viết tắt là Công ty G) trình bày:

Công ty G có ký hợp đồng bảo vệ với A Đồng Nai để bảo vệ tài sản là hàng tồn kho của Công ty B đã thế chấp cho A Đồng Nai, tuy nhiên bảo vệ không được vào Công ty B để thực hiện nhiệm vụ. Khi Công ty B xuất hàng, bảo vệ không được kiểm tra thực tế số lượng, chủng loại hàng hóa. Khi xuất hàng, bảo vệ báo trực tiếp cho A Đồng Nai đến kiểm tra và giải quyết. Ngày 05/01/2014, Công ty G và A Đồng Nai đã chấm dứt hợp đồng. Sau khi chấm dứt hợp đồng, bảo vệ không được vào trong công ty nên không có công tác kiểm kê tài sản tại Công ty B để bàn giao, chỉ làm thanh lý hợp đồng theo yêu cầu của A Đồng Nai.

* Người có quyền và nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng TMCP V (sau đây viết tắt là ngân hàng V) trình bày:

Công ty B đã thế chấp cho Ngân hàng V theo hợp đồng thế chấp số 71/10/VCB.BH và 70/10/VCB.BH ngày 15/7/2010 để vay vốn ngân hàng với tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển (không ghi cụ thể) và khoản phải thu của các hợp đồng của Công ty B (không ghi hợp đồng cụ thể). Công ty B vẫn còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền gốc

9.154.000.000 đồng. Tuy nhiên ngân hàng TMCP V không yêu cầu Tòa án công nhận hai hợp đồng thế chấp số 70 và 71, ngân hàng TMCP V đồng ý để A Đồng Nai toàn quyền xử lý tài sản thế chấp là hàng tồn kho và khoản phải thu.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2016/KDTM-ST ngày 14/12/2016, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã quyết định:

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc Công ty B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền là 16.903.152.064 đồng, bao gồm gốc 9.295.427.401 đồng, tiền lãi phát sinh trong hạn là 4.869.236.257 đồng và lãi quá hạn là 2.738.448.406 đồng.

Tiếp tục dùng các tài sản sau để đảm bảo khoản nợ trên tại giai đoạn thi hành án gồm:

1. Hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp số 090-2013-0102A/HĐTCHHLC-PN/SHB.ĐNAI ngày 15/03/2013 chi tiết theo bảng kê hàng tồn kho đính kèm.

2. Quyền đòi nợ theo hợp đồng thế chấp số 090-2013-0102B/TCQĐN/SHB.ĐNAI ngày 15/03/2013 chi tiết theo bảng kê khoản phải thu và hợp đồng kinh tế đính kèm.

3. Nhà xưởng tại địa chỉ: 130 đường Q, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai với giá trị định giá nhà xưởng là: 2,5 tỷ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 090-2013-0102C/HĐTC-PN/SHB.ĐNAI ngày 15/3/2013.

Tòa án tiếp tục phong tỏa số tiền 1.200.000.000 đồng (thực tế trong tài khoản chỉ có số tiền 1.174.469.000 đồng trong tài khoản số 6710000803595 của Công ty B tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai) theo Quyết định số 147/2016/QĐ-BPKCTT của Tòa án nhân dân Tp.Biên Hòa ngày 03/6/2016 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho khoản nợ của Công ty B đối với Ngân hàng TMCP A.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP A nộp để thực hiện biện pháp bảo đảm của Ngân hàng TMCP A tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Đồng Nai đối với yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và số tiền trên sẽ được nhận lại khi án có hiệu lực pháp luật.”

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/12/2016, bị đơn Công ty B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với yêu cầu:

- Đề nghị tạm đình chỉ vụ án, chờ kết quả giải quyết của Bộ Công an và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về những hành vi vi phạm pháp luật của Ngân hàng TMCP A, Ngân hàng V chi nhánh Biên Hòa và Công ty G đã làm ảnh hưởng đến hoạt động và làm thiệt hại đến Công ty B.

- Yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 147/2016/QĐ-BPKCTT ngày 03/6/2016 về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với số tiền trong tài khoản của Công ty B.

- Yêu cầu không dùng các tài sản thế chấp của Công ty để thi hành án do các bên đã thỏa thuận giá trị tài sản chỉ làm cơ sở xác định mức cấp tín dụng của A Đồng Nai.

- Yêu cầu không tính tiền lãi đối với Công ty B từ ngày 10/6/2013 đến khi kết thúc vụ án do Ngân hàng TMCP A đã cướp và cưỡng đoạt tiền trong tài khoản của Công ty B mở tại A Đồng Nai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng đề nghị chỉnh sửa phần trình bày của nguyên đơn trong bản án sơ thẩm về ngày chốt khoản nợ là ngày xét xử sơ thẩm và sai sót về tiền lãi quá hạn. Còn về các phần khác trong bản án sơ thẩm nguyên đơn đề nghị giữ nguyên. Bị đơn giữ nguyên các yêu cầu trong đơn kháng cáo nhưng có bổ sung thêm yêu cầu đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm đã xác định lãi sai, đã không xác định giá trị tài sản thế chấp bị thu giữ, đã không đưa Công ty E.C.D tham gia tố tụng và thời hiệu giải quyết vụ án đã hết. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay yêu cầu.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

- Luật sư Lê Minh N có ý kiến: Việc Tòa án Biên Hòa phong tỏa tài khoản của Công ty B là không đúng vì A Đồng Nai không được quyền yêu cầu phong tỏa số tiền lớn hơn giá trị bảo đảm và số tiền bị phong tỏa thực chất là của Công ty E.C.D. Ngoài ra, công ty B không chấp nhận việc bản án sơ thẩm tính tiền lãi phải trả của Công ty B do A Đồng Nai đã có những hành vi thu giữ tài sản trái pháp luật. Cấp sơ thẩm còn có sai sót khi không đánh giá lại tài sản sau khi A Đồng Nai và công ty G chiếm giữ tài sản của Công ty B, không xem xét về thời hiệu khởi kiện của vụ án. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và xem xét tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp yêu cầu trên không được Hội đồng xét xử chấp thuận, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Luật sư Nguyễn Quốc C có ý kiến: Ngân hàng TMCP A đã có những sai phạm như: tự động trích tiền tài khoản để thu nợ gốc trước hạn; sai phạm nghiêm trọng về vấn đề chuyển nợ quá hạn, tính lãi trong hạn, lãi quá hạn; thời điểm tiến hành thu giữ tài sản ngày 12/6/2013 công ty số 7 không có vi phạm hợp đồng tín dụng; việc thu giữ tài sản của SHB vi phạm quy định pháp luật về thông báo, thời hạn và thủ tục; Ngân hàng TMCP A đã giải ngân khi 2 bên chưa hoàn tất đầy đủ điều kiện giải ngân các khoản vay. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Các yêu cầu trong đơn kháng cáo của Công ty B qua xem xét đều không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên do bản án có sai sót về ngày chốt tổng số tiền phải trả của Công ty B và sai sót tiền lãi quá hạn do nhầm lẫn, sai sót về án phí nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm và áp dụng án lệ số 08/2016/AL ngày 07 tháng 10 năm 2016 để tuyên thêm về nghĩa vụ chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Thời điểm bắt đầu quyền khởi kiện của Ngân hàng TMCP A từ ngày 25/4/2013 (ngày Công ty B vi phạm hợp đồng tín dụng). Đến ngày 10/3/2016, Ngân hàng TMCP A nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Như vậy, thời hiệu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đã hết. Tuy nhiên, trong thời gian Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty B đã thừa nhận một phần nghĩa vụ của mình trong giao kết Hợp đồng tín dụng với người khởi kiện là Ngân hàng TMCP A bằng các bản khai nên thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại theo quy định tại Điều 162 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về người tham gia tố tụng: Ông Trương Hồng M, đại diện theo ủy quyền của Công ty G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét nội dung kháng cáo của Công ty B, thấy rằng:

- Công ty B cho rằng Ngân hàng TMCP A, Ngân hàng TMCP V và Công ty G đã có những hành vi vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến hoạt động và làm thiệt hại đến Công ty B nên công ty B đề nghị tạm đình chỉ vụ án, chờ kết quả giải quyết của Bộ Công an và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Xét những vấn đề mà Công ty B đang tố cáo kiến nghị giải quyết vụ án hình sự đối với Ngân hàng TMCP A, Ngân hàng TMCP V và Công ty G đang được các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định. Việc giải quyết các đơn tố cáo của Công ty B không liên quan cũng như không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng này nên yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án của công ty B không có căn cứ chấp nhận.

- Công ty B yêu cầu không dùng các tài sản thế chấp của Công ty để thi hành án do các bên đã thỏa thuận giá trị tài sản chỉ làm cơ sở xác định mức cấp tín dụng của A Đồng Nai. Xét thấy, Công ty B và A Đồng Nai đã tự nguyện ký kết Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 090-2013-0102/HĐHM-PN/SHB ĐNAI ngày 15/03/2013 với số tiền vay là 9.500.000.000 đồng và 03 hợp đồng thế chấp cùng ngày 15/3/2013 số 090-2013-0102A/HĐTCHHLC-PN/SHB.ĐNAI, số 090-2013-0102 B/TCQĐN/ SHB.ĐNAI, số 090-2013-0102C/HĐTC-PN/SHB.ĐNAI. Các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao

dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật và được Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm vào các ngày 21/3/2013 và 02/8/2013. Trong các Hợp đồng cũng đã thể hiện rõ nội dung Công ty B đồng ý dùng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình thế chấp cho A Đồng Nai để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty B và tại Điều 4 Hợp đồng thế chấp cũng thể hiện rằng tài sản thế chấp được xử lý trong trường hợp đến hạn trả nợ mà Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Điều khoản này được ghi nhận trong hợp đồng thế chấp và cũng phù hợp với các quy định về xử lý tài sản thế chấp tại Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản về giao dịch bảo đảm. Do vậy, yêu cầu này của Công ty B là không có căn cứ để chấp nhận.

- Công ty B yêu cầu không tính tiền lãi đối với Công ty từ ngày 10/6/2013 đến khi kết thúc vụ án do Ngân hàng TMCP A đã cướp và cưỡng đoạt tiền trong tài khoản của Công ty B mở tại A Đồng Nai. Xét thấy, tại điểm 6.1 Điều 6 Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 090-2013-0102/HĐHM-PN/SHB ĐNAI ngày 15/03/2013 được giao kết bởi Công ty B và A Đồng Nai thì phương thức trả nợ là bằng tiền mặt/Chuyển khoản/Trích tiền trong tài khoản tiền gửi của Công ty B tại A Đồng Nai. Theo Ngân hàng TMCP A thì Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 25/4/2013. Do Công ty B đã không thực hiện việc trả nợ cho A Đồng Nai nên việc A Đồng Nai trích tiền trong tài khoản tiền gửi của Công ty B là phù hợp với thỏa thuận của các bên. Do đó, việc Công ty B cho rằng A Đồng Nai có hành vi cướp và cưỡng đoạt tiền trong tài khoản của Công ty B là không đúng nên yêu cầu này của Công ty B là không có căn cứ để chấp nhận.

- Đối với việc Công ty B yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 147/2016/QĐ-BPKCTT ngày 03/6/2016 về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với số tiền trong tài khoản của Công ty B. Xét việc thực hiện việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thấy rằng quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP A đã có đơn gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa để yêu cầu phong tỏa tài khoản của Công ty B. Ngân hàng TMCP A đã thực hiện biện pháp bảo đảm là nộp số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Nhà nước-chỉ nhánh tỉnh Đồng Nai và số tiền trong tài khoản mà bị Ngân hàng TMCP A yêu cầu phong tỏa cũng được Công ty B thừa nhận là tiền do Khu quản lý đường bộ đường thủy Đồng Nai chuyển trả cho Công ty B theo Hợp đồng thi công xây dựng số 95/2011/HĐXD thi công gói thầu số 17 (là một trong các công trình có khoản phải thu đã được thế chấp cho Ngân hàng TMCP A).

Việc Công ty B cho rằng số tiền bị phong tỏa theo quyết định số 147 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa là của Công ty E.C.D là không có căn cứ. Vì trong Hợp đồng thi công xây dựng số 95 đã thể hiện các bên tham gia giao kết trong hợp đồng bao gồm chủ đầu tư là Khu quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai và nhà thầu là Công ty B, không có sự tham gia của Công ty E.C.D trong hợp đồng này. Bên cạnh đó, tại Công văn số 66 ngày 31/5/2016 (bút lục 798) của Công ty B đã yêu cầu chủ đầu tư chuyển tiền thanh toán công trình theo hợp đồng số 95 vào tài khoản 6710000803595 của Công ty B tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai và yêu cầu này đã được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận theo công văn số 4477/UBND-KT ngày

02/6/2016 (bút lục 799). Điều đó cho thấy Công ty E.C.D không có liên quan đến Hợp đồng thi công xây dựng số 95 và số tiền 1.200.000.000 đồng là của chủ đầu tư chuyển trả cho Công ty B tại tài khoản của Công ty B. Việc Công ty B và Công ty E.C.D giao kết hợp đồng thi công xây dựng với nhau là do nhu cầu của hai bên, nếu có phát sinh tranh chấp với nhau có thể khởi kiện bằng một vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền.

Do Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Chương VIII về Các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên yêu cầu của Công ty B về hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã có những sai sót sau:

- Về thủ tục tố tụng khi hòa giải: Sau khi ra Thông báo bổ sung về việc thụ lý vụ án số 120/TB-TLVA ngày 05/10/2016, Tòa án Biên Hòa đã đưa Công ty G và Ngân hàng TMCP V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên trong Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải cùng ngày 28/10/2016 không có chữ ký của người đại diện của Ngân hàng TMCP V với lý do được ghi nhận trong các biên bản là Ngân hàng TMCP V tự ý bỏ về không ký biên bản. Trong hồ sơ thì không thể hiện Tòa án đã triệu tập họp lệ Ngân hàng TMCP V đối với lần công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/10/2016 (vi phạm khoản 4 Điều 211 BLTTDS). Lẽ ra trong trường hợp, Tòa án phải tiến hành triệu tập họp lệ các bên đương sự và tiến hành hòa giải lần khác theo đúng quy định của tố tụng dân sự nhưng Tòa án đã không tiến hành hòa giải lần nào khác ngoài lần hòa giải vào ngày 28/10/2016. Hồ sơ không thể hiện Ngân hàng TMCP V đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Từ đó cho thấy việc không tiến hành các thủ tục triệu tập, hòa giải đối với Ngân hàng TMCP V của Tòa án Biên Hòa là vi phạm thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng TMCP V. Tuy nhiên xét thấy quá trình giải quyết, Ngân hàng TMCP V có ý kiến không yêu cầu gì đối với các tài sản thế chấp của Công ty B cho Ngân hàng TMCP A, đồng ý cho Ngân hàng TMCP A toàn quyền xử lý thế chấp. Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngân hàng TMCP V đã không có ý kiến cũng như không có kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng TMCP V cũng đồng ý với bản án sơ thẩm nên chỉ cần rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm về vấn đề này.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của Ngân hàng TMCP A xác định rằng bản án sơ thẩm ghi nhận “Ngân hàng TMCP A yêu cầu Công ty B phải trả số tiền gốc và lãi tổng cộng 16.903.152.064 đồng (tính đến hết ngày 11/5/2016) trong đó: gốc là 9.295.427.401 đồng, lãi 4.869.236.257 đồng, lãi quá hạn: 2.738.448.406 đồng” là có sự nhầm lẫn. Ngân hàng TMCP A đề nghị điều chỉnh lại cho đúng là “Ngân hàng TMCP A yêu cầu Công ty B phải trả số tiền gốc và lãi tổng cộng 16.903.152.064 đồng (tính đến hết ngày 14/12/2016) trong đó: gốc là 9.295.427.401 đồng, lãi 4.869.236.257 đồng, lãi quá hạn: 2.738.488.406 đồng” và điều chỉnh lại trong phần quyết định của bản án sơ

thẩm. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận về ngày chốt tổng số tiền phải trả và lãi quá hạn có sai sót so với bảng tính tổng hợp do Ngân hàng TMCP A cung cấp (bút lục 761). Người đại diện của Ngân hàng TMCP A cũng có yêu cầu điều chỉnh sai sót và việc điều chỉnh cũng không xâm phạm đến quyền và lợi ích của các đương sự khác nên chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm.

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định “Kể từ ngày 15/12/2016, nếu Công ty B không trả số tiền thì còn phải chịu lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án” là không đúng. Căn cứ theo án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì cần sửa lại là “Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

[6] Đối với ý kiến của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn xét thấy không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, tình tiết khách quan của vụ án và các quy định của pháp luật nên không chấp nhận.

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai xét thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Tòa án sơ thẩm buộc Công ty B nộp án phí là 123.441.494 đồng, trong khi án phí đúng của số tiền 16.903.152.064 đồng phải là 124.903.152 đồng. Do vậy, sửa phần án phí.

Vì những lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty B.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2016/KDTM-ST ngày 14/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Áp dụng các Điều 162, 471, 473, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 306 Luật Thương mại; Án lệ số 08/2016/AL ngày 07 tháng 10 năm 2016; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với Công ty B về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền là 16.903.152.064đ (Mười sáu tỷ chín trăm lẻ ba triệu một trăm năm mươi hai nghìn không trăm sáu mươi tư đồng), bao gồm tiền nợ gốc là 9.295.427.401 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.869.236.257 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.738.488.406 đồng (tạm tính đến ngày 14/12/2016).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục dùng các tài sản sau để đảm bảo khoản nợ trên tại giai đoạn thi hành án gồm:

- Hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp số 090-2013-0102A/HĐTCHHLC-PN/SHB.ĐNAI ngày 15/03/2013 chi tiết theo bảng kê hàng tồn kho đính kèm.

- Quyền đòi nợ theo hợp đồng thế chấp số 090-2013-0102B/TCQĐN/SHB.ĐNAI ngày 15/03/2013 chi tiết theo bảng kê khoản phải thu và hợp đồng kinh tế đính kèm.

- Nhà xưởng tại địa chỉ số 130 đường Q, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 090-2013-0102C/HĐTC-PN/SHB.ĐNAI ngày 15/3/2013.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 6710000803595 của Công ty B tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai với số tiền trong tài khoản là 1.174.469.000đ (Một tỷ một trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo Quyết định số 147/2016/QĐ-BPKCTT của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa ngày 03/6/2016 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) của Ngân hàng Ngân hàng TMCP A nộp tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh Đồng Nai để thực hiện biện pháp bảo đảm đối với yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngân hàng Ngân hàng TMCP A sẽ được nhận lại số tiền trên khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty B phải nộp 124.903.152đ (Một trăm hai mươi bốn triệu chín trăm lẻ ba nghìn một trăm năm mươi hai đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.569.000đ (Sáu mươi một triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 007465 ngày 23/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Công ty B không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 200.000 đồng theo Biên lai thu số 003319 ngày 30/12/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP.Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Phụng